

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **5128** /BTNMT-VP
V/v trả lời ý kiến của ĐBQH
Ngô Thanh Danh, Đoàn ĐBQH Đắk Nông

Hà Nội, ngày **07** tháng 11 năm 2016

Kính gửi: Đại biểu Quốc hội Ngô Thanh Danh
(Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Nông)

Tại phiên thảo luận ở hội trường ngày 02/11/2016 về kế hoạch tái cơ cấu nền kinh tế giai đoạn 2016 – 2020 và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 của Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV, do thời gian không cho phép nên Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chưa có điều kiện giải trình, làm rõ thêm một số nội dung Đại biểu nêu liên quan đến vấn đề quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường, việc thực hiện Nghị quyết số 112/2015/NQ-QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội và tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, khu công nghiệp, bãi rác v.v.

Bộ Tài nguyên và Môi trường trân trọng cảm ơn các ý kiến đóng góp của Đại biểu và xin được giải trình, làm rõ thêm những vấn đề Đại biểu quan tâm nêu trên như sau:

1. Về vấn đề quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường và việc thực hiện Nghị quyết số 112/2015/NQ-QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội

Các nông trường, lâm trường đã có quá trình hình thành và phát triển trên 60 năm, có nhiều đóng góp cho việc phát triển kinh tế - xã hội, nhất là đối với địa bàn vùng sâu, vùng xa, địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn. Việc quản lý sử dụng đất đai tại các nông trường, lâm trường sau khi được rà soát, sắp xếp theo Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 16/6/2003 của Bộ Chính trị đã có những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn có tồn tại, hạn chế, như: còn nhiều nông, lâm trường sử dụng không có hiệu quả; hệ thống số liệu, tài liệu, bản đồ về đất đai chưa đầy đủ và thiếu chính xác; ranh giới sử dụng đất nhiều nơi chưa được xác định rõ trên thực địa; tình trạng tranh chấp, vi phạm pháp luật về đất đai còn phức tạp; việc chuyển đổi sang thuê đất theo quy định của pháp luật còn chậm; diện tích đất bàn giao cho địa phương mới chỉ chủ yếu được thực hiện trên sổ sách, chưa có hồ sơ địa chính để quản lý, sử dụng.

Ngày 12/3/2014, Bộ Chính trị tiếp tục ban hành Nghị quyết số 30-NQ/TW về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp, trong đó đã khẳng định việc tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, quản trị công ty, quản lý chặt chẽ đất đai, tài nguyên rừng và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, cụ thể như: rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phù hợp với nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh của các công ty nông, lâm nghiệp; kiên quyết thu hồi, giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng đất đối với diện tích đất mà công ty nông, lâm nghiệp không có nhu cầu sử dụng, hoặc sử dụng không đúng mục đích, hiệu quả sử dụng thấp và các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tích cực xây dựng, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật Đất đai năm 2013, tham mưu trình Chính phủ ban hành Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, trong đó tiếp tục thể chế hóa một số cơ chế, chính sách đất đai để tăng cường quản lý đất đai của các công ty nông, lâm nghiệp. Đồng thời đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 về sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp và kịp thời ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 07/2014/TT-BTNMT quy định việc lập phương án sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; giao đất, cho thuê đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; cắm mốc và lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất đối với công ty nông, lâm nghiệp, trong đó có những quy định về giao đất, cho thuê đất cho các công ty nông, lâm nghiệp đối với diện tích đất đề nghị giữ lại theo phương án sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; việc lập phương án sử dụng đối với quỹ đất giao về địa phương quản lý để lập phương án đưa vào sử dụng. Đồng thời cũng giao trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan quản lý các cấp và công ty nông, lâm nghiệp trong việc quản lý, sử dụng đất nông, lâm trường.

Thực hiện Nghị quyết số 112/2015/NQ-QH13 ngày 27/11/2015 về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 112/2015/NQ-QH13 của Quốc hội và chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện 2 nhiệm vụ chính để thực hiện Nghị quyết 112/2015/NQ-QH13 của Quốc hội, cụ thể:

Một là, việc xác định và cắm mốc ranh giới, đo đạc bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty nông, lâm nghiệp thuộc diện sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp (Nghị định số 118/2014/Đ-CP);

Hai là, việc xây dựng và tổ chức thực hiện đề án tăng cường quản lý đất có nguồn gốc nông, lâm trường hiện do các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng.

Đến nay, kết quả đạt được như sau:

1) *Về công tác xác định, cắm mốc ranh giới, đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP*: (i) Các ngành đã phối hợp xây dựng và trình duyệt phương án tổng thể sắp xếp 283 công ty nông, lâm nghiệp thuộc 40 địa phương, với tổng diện tích đất **2.622.329,98** ha (trong đó diện tích giữ lại quản lý, sử dụng: **2.144.260,67** ha, diện tích giao về địa phương: **478.069,31** ha); (ii) Việc lập và thực hiện thiết kế kỹ thuật – dự toán xác định, cắm mốc ranh giới, đo đạc lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho công ty nông, lâm nghiệp; (iii) Tổng số có 39 địa phương có công ty nông lâm nghiệp thuộc diện thực hiện Nghị

định 118/2014/NĐ-CP (Có 27 tỉnh đã phê duyệt và đang tổ chức thực hiện TKKTDĐT; 09 tỉnh đang hoàn thiện Thiết kế kỹ thuật - Dự toán trình Ủy ban phê duyệt¹; 03 tỉnh chưa lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán, gồm: Vĩnh Phúc, Đồng Nai và Hà Nội, riêng TP Hà Nội và Vĩnh Phúc đã và đang thực hiện theo các chương trình đo vẽ bản đồ đất nông lâm trường trước đây). Đến nay, 10 tỉnh đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ xác định ranh giới sử dụng đất của các công ty nông, lâm nghiệp bao; 7 tỉnh đã cơ bản hoàn thành cắm mốc ranh giới gồm, 3 tỉnh đã cơ bản hoàn thành đo đạc bản đồ địa chính.

2) Về tình hình triển khai xây dựng Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo nghị định số 118/1014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng (Đề án): Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hoàn thành Đề án và xin ý kiến của Bộ, ngành có liên quan trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện từ năm 2017.

Về giải pháp thực hiện trong thời gian tới:

- Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần tập trung chỉ đạo, giải quyết dứt điểm và đúng tiến độ theo yêu cầu Nghị quyết số 112/2015/NQ-QH13 của Quốc hội và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đối với đất đai có nguồn gốc đất nông, lâm trường; ưu tiên bố trí kinh phí để tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành trong năm 2016 các nhiệm vụ theo Nghị định 118/2014/NĐ-CP.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ phối hợp với các Bộ, ngành ở Trung ương đẩy mạnh kiểm tra, theo dõi sát sao, hướng dẫn các địa phương để tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, tổ chức giao ban định kỳ, làm việc với các địa phương để chỉ đạo thực hiện; tham mưu cho Chính phủ các giải pháp chỉ đạo, hỗ trợ địa phương, ban hành các chính sách và quy định để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đất có nguồn gốc nông lâm trường.

2. Về vấn đề bảo vệ môi trường tại các làng nghề, khu công nghiệp, bãi rác

a) Thực trạng:

- Đối với làng nghề: Trên cả nước hiện có 5.096 làng nghề và làng có nghề có 1.748/5.096 làng nghề và làng có nghề được công nhận, chiếm 34%. Còn tồn tại nhiều làng nghề hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm cao đối với môi trường như: tái chế nhựa, kim loại, đúc quỳ chì, chăn nuôi gia súc, sản xuất giấy,... Nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường tại các làng nghề hiện nay là do hầu hết các cơ sở sản xuất có quy mô nhỏ, nằm trong khu dân cư, mặt bằng chật hẹp, khó khăn cho việc xây dựng hệ thống xử lý môi trường; phần lớn các hộ sản xuất của làng nghề chưa đầu tư thích đáng nhằm giảm ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn. Nước thải sản xuất chưa qua xử lý cùng nước thải sinh hoạt được xả vào hệ thống thoát nước mặt. Trong khi đó, công tác quản lý và những

¹ Bắc Kạn, Tuyên Quang, Bắc Giang, Sơn La, Ninh Bình, Thừa Thiên Huế, Bình Thuận, Ninh Thuận và Kiên Giang

giải pháp bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức...; ý thức và nhận thức của người dân còn chưa cao.

- Đối với khu công nghiệp: Hiện nay, có 212/282 KCN đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung (HTXLNT), chiếm 75%. Tổng lượng nước thải phát sinh từ các KCN đạt gần 550.000m³/ngày.đêm. Trong khi đó, các HTXLNTTT ở các KCN mới chỉ xử lý được khoảng 60% lượng nước thải phát sinh. Lượng nước thải còn lại, một phần do các cơ sở đã được miễn trừ đầu nổi và tự xử lý, một phần không qua xử lý mà thải trực tiếp ra môi trường. Nguyên nhân dẫn tới tình trạng này là do ý thức tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của một số chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, chủ cơ sở nằm trong khu công nghiệp chưa tốt; công tác giám sát đầu tư, xây dựng và vận hành các KCN chưa quyết liệt và hiệu quả; công tác quy hoạch các KCN nhìn chung vẫn chưa được quan tâm đúng mức tới yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Đối với bãi rác: Hàng năm, trên cả nước phát sinh hơn 23 triệu tấn rác thải sinh hoạt, hơn 7 triệu tấn chất thải rắn công nghiệp, hơn 630.000 tấn chất thải nguy hại. Hiện cả nước có 458 bãi chôn lấp rác thải, trong đó có đến 337 bãi chôn lấp không hợp vệ sinh. Tình trạng ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước do hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải tại các bãi rác xuất phát từ các nguyên nhân như: công nghệ xử lý rác thải chưa đảm bảo kỹ thuật vệ sinh môi trường; nhiều nơi chỉ thực hiện việc chôn lấp không qua xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại lẫn với chất thải thông thường. Bên cạnh đó, việc lựa chọn vị trí xây dựng bãi chôn lấp, khu trung chuyển, thu gom chưa đủ căn cứ khoa học và thực tiễn; một số bãi chôn lấp ở gần khu vực dân cư gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

b) Các hoạt động bảo vệ môi trường đã triển khai:

Trong thời gian qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tích cực triển khai các hoạt động nhằm cải thiện chất lượng môi trường tại các làng nghề, khu công nghiệp và ô nhiễm do các bãi rác, cụ thể như sau:

- Xây dựng, trình Quốc hội thông qua Luật bảo vệ môi trường năm 2014, trong đó đã quy định chi tiết hơn về bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp (Điều 66) và làng nghề (Điều 70); trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề tại Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013; Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/9/2012; xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, trong đó xác định vấn đề ô nhiễm môi trường tại các khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp, lưu vực sông và làng nghề là ba trong sáu vấn đề môi trường cấp bách cần triển khai đồng bộ các giải pháp để giải quyết. Bộ đã ban hành Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động của các khu công nghiệp, làng nghề, quản lý, vận hành bãi rác, đặc biệt là những khu công nghiệp chưa đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Từ năm 2014 đến nay,

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện thanh tra, kiểm tra trách nhiệm đối với 13 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bảo vệ môi trường; tổ chức thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với 1.902 cơ sở, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên phạm vi cả nước, xử phạt 1.433 cơ sở với số tiền phạt trên 174,4 tỷ đồng. Đồng thời, Bộ sẽ tiếp tục chỉ đạo và phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vào cuộc quyết liệt; yêu cầu Ban quản lý KCN và chủ đầu tư các KCN thực hiện nghiêm túc cam kết đầu tư đồng bộ hạ tầng bảo vệ môi trường phù hợp với tiến độ lấp đầy; kiên quyết xử lý, kể cả biện pháp tạm dừng hoạt động đối với những khu công nghiệp không tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với các địa phương rà soát, thực hiện 53 dự án di dời, cải tạo phục hồi môi trường, xử lý ô nhiễm từ nước rỉ rác và áp dụng kỹ thuật chôn lấp hợp vệ sinh tại các bãi rác thuộc đối tượng công ích gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách trung ương; phối hợp với các Bộ, ngành địa phương để triển khai các dự án xây dựng 07 khu xử lý chất thải rắn liên tỉnh theo Quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải rắn 3 vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung và phía Nam đến năm 2020. Đến nay, dự án xây dựng Khu xử lý Nam Sơn - Sóc Sơn, Hà Nội đã hoàn thành triển khai giai đoạn 1; dự án xây dựng Khu xử lý Cát Nhon - Phù Cát, Bình Định, Khu Công nghệ Môi trường xanh – Long An, Khu xử lý Tây Bắc Củ Chi - Thành phố Hồ Chí Minh đã bước đầu được triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện nhiều dự án đầu tư, xử lý chất thải rắn sinh hoạt như Dự án “Ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường sông Nhuệ - sông Đáy bằng việc xử lý chất thải rắn sinh hoạt thí điểm cho cụm dân cư theo phương pháp ủ khô kỵ khí” được triển khai thí điểm tại tỉnh Ninh Bình.

Tại các địa phương, thực hiện Chương trình xử lý chất thải rắn giai đoạn 2011-2020, tính đến nay đã có 26 dự án đầu tư xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung được hoàn thành theo quy hoạch xử lý chất thải rắn của các địa phương; trong đó có 03 cơ sở xử lý sử dụng công nghệ đốt, 11 cơ sở xử lý sử dụng công nghệ sản xuất phân hữu cơ, 11 cơ sở xử lý sử dụng công nghệ sản xuất phân hữu cơ kết hợp với đốt, 01 cơ sở xử lý sử dụng công nghệ sản xuất viên nhiên liệu. Các địa phương cũng tích cực tập trung nguồn lực đầu tư triển khai các dự án cải tạo các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh, trong đó đã có gần 30 dự án xây dựng cơ sở xử lý chất thải rắn tập trung được hoàn thành; nhiều bãi rác tạm, lộ thiên, không có hệ thống thu gom, xử lý nước rỉ rác đã được triển khai đầu tư, cải tạo. Đặc biệt, trong giai đoạn 2011-2015, đã có gần 20 chương trình, dự án thu gom, xử lý chất thải rắn tại các địa phương được thực hiện từ nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi với tổng kinh phí hơn 400 triệu USD.

c) Các giải pháp trong thời gian tới

Để khắc phục những bất cập, tồn tại nêu trên, Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành địa phương thực hiện tốt các giải pháp sau đây:

- Theo Quyết định số 1107/QĐ-TTg ngày 21/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 thì cả nước sẽ có 142 khu công nghiệp được

ưu tiên thành lập mới và mở rộng. Trong quá trình hoạt động, các khu công nghiệp mới vẫn tiếp tục được Chính phủ đồng ý bổ sung vào quy hoạch và thành lập mới. Do đó cần phải thực hiện việc rà soát, đánh giá tổng thể về tác động môi trường việc phát triển các khu công nghiệp hiện nay.

- Trong số hơn 500 khu công nghiệp đã được đưa vào quy hoạch tới năm 2020 mới chỉ có 283 khu công nghiệp hoạt động. Như vậy, theo định hướng phát triển còn khoảng hơn 200 khu công nghiệp nữa sẽ được thành lập và đi vào hoạt động. Điều này sẽ tạo ra áp lực môi trường rất lớn. Do đó, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ kiến nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan kiên quyết yêu cầu các khu công nghiệp này thực hiện đúng quy định pháp luật, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động. Đối với các khu công nghiệp hiện nay đã đi vào hoạt động nhưng chưa hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, kiến nghị Chính phủ chỉ đạo không cho phép thu hút các dự án đầu tư vào khu công nghiệp hoặc thực hiện thủ tục mở rộng khu công nghiệp.

- Tập trung thanh tra, kiểm tra các khu công nghiệp còn lại chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung để giám sát chất lượng nước thải ra môi trường theo các quy định pháp luật hiện hành; tăng cường kiểm tra, giám sát việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung đối với khu công nghiệp đã có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Xây dựng quy định hướng dẫn việc kết nối hệ thống quan trắc nước thải tự động từ các khu công nghiệp tới các Sở Tài nguyên và Môi trường đồng thời đôn đốc chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp đầu tư hệ thống quan trắc nước thải tự động theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với các địa phương đôn đốc, tăng cường chỉ đạo các chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp đẩy nhanh tiến độ xây dựng và đưa vào vận hành kịp thời hệ thống xử lý nước thải tập trung của các khu kinh tế, khu công nghiệp; giám sát chặt chẽ việc thu hút đầu tư các ngành nghề phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt để giảm thiểu rủi ro trong quá trình thiết kế, thi công và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Trên đây là ý kiến trả lời của Bộ Tài nguyên và Môi trường về một số vấn đề Đại biểu quan tâm. Bộ Tài nguyên và Môi trường chân thành cảm ơn và chúc Đại biểu mạnh khỏe./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- PTTgCP Trịnh Đình Dũng (để báo cáo);
- Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh Đắk Nông;
- Tổng thư ký Quốc hội;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;
- Các TC: QLĐĐ, MT;
- Công TTĐT Bộ;
- Lưu VT, VP(TH).

BỘ TRƯỞNG



Trần Hồng Hà